

Số: 36 /2013/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 15 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tạm thời Định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt
khi chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước, Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP và Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT về hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng.

Căn cứ công văn số 18/UBND-VP5 ngày 17/01/2008 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định;

Xét nội dung tại báo cáo thẩm định số 193/BC-STP ngày 08/11/2013 của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành quy định tạm thời định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp;

Xét đề nghị của tại tờ trình số 260/TTr-SNN ngày 04/11/2013 của Sở Nông nghiệp & PTNT về ban hành quy định tạm thời định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp và hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tạm thời định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất lúa sang mục đích phi nông nghiệp”. Mức phí này áp dụng chung cho tất cả các loại đất lúa trên địa bàn tỉnh khi chuyển sang mục đích phi nông nghiệp có độ dày tầng canh tác (lớp đất mặt) là 30 cm;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC - VP Chính phủ;
- Các bộ: NN&PTNT, TN&MT, Tư pháp, Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3; Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh, Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất lúa sang mục đích phi nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 36 /2013/QĐ-UBND ngày 15/11 /2013
của UBND tỉnh Nam Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định tạm thời về Định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt khi chuyển mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên lúa nước theo quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, chuyển mục đích sử dụng quỹ đất trồng lúa.

Điều 3. Phương pháp xác định kinh phí cải tạo lớp đất mặt

a. Phương pháp xác định chi phí cải tạo lớp đất mặt được tính bằng chi phí bóc tách lớp đất mặt cộng với chi phí vận chuyển lớp đất mặt đến nơi cần cải tạo và chi phí san lấp nơi cần cải tạo.

b. Đơn giá bóc tách lớp đất mặt, đơn giá vận chuyển lớp đất mặt đến nơi cần cải tạo và đơn giá san lấp nơi cần cải tạo áp dụng theo đơn giá quy định tại Quyết định số 2827/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh về quy định đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định và Quyết định 28/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh về việc công bố hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công trong dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01/01/2013 .

Điều 4. Định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt

Định mức kinh phí cải tạo lớp đất mặt áp dụng chung một mức cho tất cả các loại đất chuyên lúa trên địa bàn tỉnh khi chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là: 19.298 đồng/m² (192.980.000 đồng/ha);

Điều 5. Quản lý và sử dụng kinh phí

Hàng năm căn cứ số kinh phí phát triển đất trồng lúa do các tổ chức, cá nhân được giao đất nộp vào ngân sách, UBND tỉnh phân bổ để thực hiện khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng theo phương án được phê duyệt.

Điều 6. Các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các ngành, các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp & PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn



**ĐƠN GIÁ CHI PHÍ BỐC TÁCH, VẬN CHUYỂN,
SAN LẤP CẢI TẠO LỚP ĐẤT MẶT**

(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số .36./2013/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	Danh mục	Ký hiệu	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/m ³)
1	Đơn giá chi phí bóc, tách lớp đất mặt	B	m ³	22.755
2	Đơn giá chi phí vận chuyển lớp đất mặt	V	m ³	8.480
3	Đơn giá chi phí san lấp tại nơi cần cải tạo	S	m ³	2.622

Nguồn: Quyết định số 2827/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh về quy định đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định.

Mức phí phải nộp của các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước được tính theo công thức: $MP = (B + V + S) \times K \times 0,3$. Trong đó:

- MP (m²) là mức phí của 1 m² đất lúa do các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp vào ngân sách nhà nước.

- B (đ/m³) là chi phí bóc, tách lớp đất mặt áp dụng theo đơn giá tại mã hiệu AB.11211 Quyết định số 2827/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh về quy định đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định. Mã hiệu AB.11211 là đơn giá đào, xúc, đổ 01m³ đất cấp I đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10 m.

- V (đ/m³) là chi phí vận chuyển lớp đất mặt đến nơi cần cải tạo áp dụng theo đơn giá tại mã hiệu AB.41411 cộng mã hiệu AB42211 Quyết định số 2827/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh về quy định đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định. Là đơn giá vận chuyển 1 m³ đất cấp I bằng ô tô loại 5 tấn, tự đổ trong phạm vi dưới 5km.

- S (đ/m³) là chi phí san lấp tại nơi cần cải tạo áp dụng theo đơn giá tại mã hiệu AB.22111 Quyết định số 2827/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND tỉnh về quy định đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nam Định. Mã hiệu AB.22111 là đơn giá đào, san 1 m³ đất cấp I trong phạm vi ≤ 50 m bằng máy ủi $\leq 75CV$.

- K là hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công trong dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01/01/2013. Áp dụng chung một hệ số $K = 1,9$ trên địa bàn tỉnh.

- 0,3 là độ dày tầng canh tác (lớp đất mặt) được tính bằng mét.